TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 tháng 12 năm 2021
V/v "Xác nhận mẹ cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt.**
2. Bà **Nguyễn Thị Hằng.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc *"*Xác nhận mẹ cho con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 và thông báo dời ngày xét xử số 02/2021/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1975; Trú tại: Đường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1947; Trú tại: Đường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn N, sinh năm 1951 và bà Lê Thị C, sinh năm 1951; Cùng trú tại: Đường N, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xét xử vắng mặt)).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày*:

Vào năm 1975 mẹ bà là Trần Thị Q đã sinh ra bà, do hoàn cảnh nghèo, ở nhà thuê, cha bà đã có gia đình cũng không công nhận bà là con ruột nên mẹ bà là bà Q có gửi bà cho vợ chồng cậu mợ ruột (em ruột bà Q) là ông Trần Văn N và bà Lê Thị C nuôi dưỡng và đã làm giấy khai sinh cho bà với tên cha mẹ là ông Trần Văn N và bà Lê Thị C. Nay khi lớn lên cả gia đình mới nói cho bà biết bà Trần Thị Q là mẹ ruột, nên bà yêu cầu Tòa án công nhận bà Trần Thị Q là mẹ ruột của bà để bà làm các thủ tục thay đổi hộ tịch và phụng dưỡng mẹ.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Q trình bày*: Bà thống nhất như lời trình bày của con gái bà là Trần Thị B. Tại thời điểm mang thai do cha ruột của Trần Thị B đang có gia đình, hoàn cảnh của bà khó khăn không thể một mình nuôi con nên gửi con gái cho vợ chồng em trai là ông Trần Văn N và bà Lê Thị C nhờ nuôi dưỡng đồng thời ông N, bà C đứng tên trong giấy khai sinh là cha mẹ của con bà. Nay bà cũng đã lớn tuổi bà cũng mong muốn nhận lại con để con thay đổi hộ tịch theo đúng quy định nên bà cũng thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn xin được nhận Trần Thị B là con đẻ của bà.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:* Vào năm 1975 giải phóng Đà Nẵng chị ruột ông N tên là Trần Thị Q có sinh một đứa bé gái tự túc. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cho vợ chồng ông làm con nuôi để nuôi dưỡng, đặt tên là Trần Thị B, sinh năm 1975. Nay có điều kiện, cháu đã khôn lớn, mẹ con xin làm giấy tờ nhận lại con ruột, vợ chồng ông hoàn toàn đồng ý, không thắc mắc gì vì cũng là cháu ruột. Ngoài ra, do vợ chồng ông bận nhiều công việc không thể đến tòa nên ông bà có làm đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà. Ông bà đồng ý việc nhận lại mẹ của bà Trần Thị B và không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bà Trần Thị B là con đẻ của bà Trần Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Trần Thị Q, cư trú tại: K266/50 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xác định bà Q là mẹ đẻ của bà Trần Thị B, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Vào năm 1975 mẹ bà là Trần Thị Q đã sinh ra bà Trần Thị B, do hoàn cảnh nghèo, ở nhà thuê, cha của bà Trần Thị B đã có gia đình cũng không công nhận bà là con ruột nên mẹ bà là bà Q có gửi bà cho vợ chồng cậu mợ ruột (em ruột bà Q) là ông Trần Văn N và bà Lê Thị C nuôi dưỡng và đã làm giấy khai sinh cho bà với tên cha mẹ là ông Trần Văn N và bà Lê Thị C. Nay khi lớn lên cả gia đình mới nói cho bà biết bà Trần Thị Q là mẹ ruột, nên bà yêu cầu Tòa án công nhận bà Trần Thị Q là mẹ ruột của bà để bà làm các thủ tục thay đổi hộ tịch và phụng dưỡng mẹ. Bà Trần Thị Q là bị đơn và ông Trần Văn N và bà Lê Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác.

[3] Tại kết luận giám định số 91/C09C-Đ3 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Bà Trần Thị Q và bà Trần Thị B có quan hệ huyết thống Mẹ - Con. Việc bà Trần Thị B có đơn đề nghị Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xác định bà Trần Thị Q là mẹ đẻ của bà là phù hợp với lời khai của bà Trần Thị Q, ông Trần Văn N, bà Lê Thị C và các tài liệu có trong hồ sơ. HĐXX có đủ cơ sở để chấp nhận xác định bà Trần Thị Q là mẹ đẻ của bà Trần Thị B, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1975, theo giấy khai sinh số 1978 quyển số 563 ngày 28 tháng 4 năm 1978 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hiên, thành phố Đà Nẵng, được quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

- Bà Trần Thị Q là mẹ đẻ của bà Trần Thị B, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1975, theo giấy khai sinh số 1978 quyển số 563 ngày 28 tháng 4 năm 1978 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hiên, thành phố Đà Nẵng

- Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Bé đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000420 ngày 28.10.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Bình Hiên Quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- THADS quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Thùy